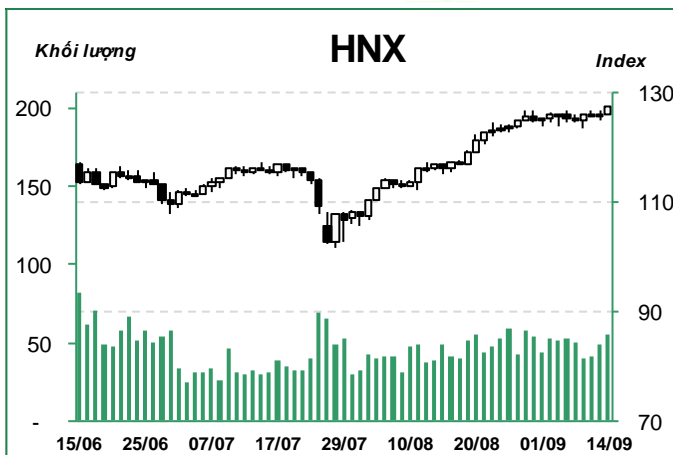
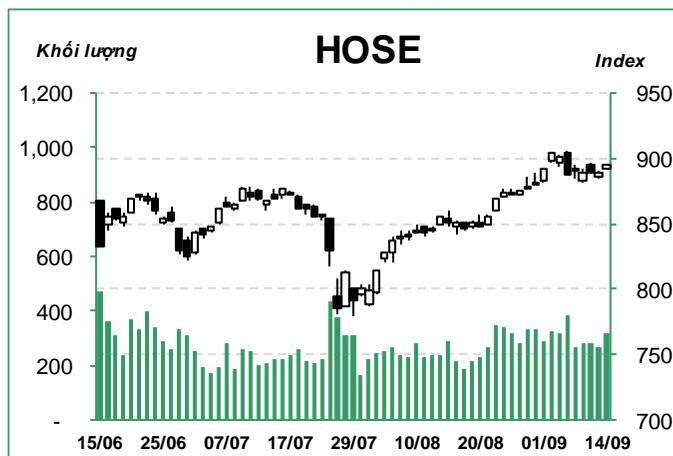


Tổng quan thị trường

14/09/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	894.57	0.63%	832.24	0.81%	127.43	0.97%
Cuối tuần trước	888.97	0.63%	825.56	0.81%	126.21	0.97%
Trung bình 20 ngày	881.88	1.44%	817.36	1.82%	124.89	2.04%
Tổng KLGĐ (triệu cp)	364.43	17.59%	77.16	-1.87%	58.51	17.44%
KLGĐ khớp lệnh	318.77	18.24%	65.50	2.18%	55.29	13.93%
Trung bình 20 ngày	304.30	4.75%	81.06	-19.20%	49.88	10.84%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	6,380.38	15.64%	2,196.92	-4.83%	649.91	26.11%
GTGD khớp lệnh	5,238.09	15.65%	1,850.46	2.48%	607.12	21.56%
Trung bình 20 ngày	5,310.71	-1.37%	2,324.92	-20.41%	582.28	4.27%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	270	58%	21	70%	99	28%
Số mã giảm	140	30%	6	20%	59	17%
Số mã đứng giá	56	12%	3	10%	198	56%



Thị trường đồng loạt bứt phá ngay từ đầu phiên giao dịch với sắc xanh xuất hiện ở nhiều cổ phiếu trụ. Diễn biến tăng điểm này có phần đồng thuận với các thị trường chứng khoán trong khu vực khi nhà đầu tư phản ứng tích cực trước thông tin nổi lại các thử nghiệm vacxin Covid-19. Tuy nhiên, do dòng tiền tiếp tục hướng đến nhóm cổ phiếu mid cap khiến cả VN-Index và HNX-Index sau đó đã không thể tiếp tục bứt phá mà chỉ biến động nhẹ so với mức tăng từ đầu phiên.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 894.57 điểm (+0.63%). Thanh khoản trên sàn đã cải thiện so với phiên cuối tuần trước với KLGĐ khớp lệnh đạt 318.8 triệu cổ phiếu (+18.2%), tương đương 5,238 tỷ đồng giá trị (+15.6%). Tuy nhiên, thanh khoản của nhóm VN30 chỉ tăng nhẹ cho thấy dòng tiền đang hướng đến ở nhóm cổ phiếu vốn hóa thấp hơn. Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về bên mua với sự áp đảo của số mã tăng điểm (270 mã tăng so với 140 mã giảm).

Vingroup-VIC (+2.2%) kéo điểm chính cho chỉ số. Bên cạnh đó, một số cổ phiếu cũng ghi nhận phiên tăng khá tốt kèm thanh khoản cao đáng chú ý như Vietnam Airline-HVN (+4.0%), Tập đoàn Hoa Sen-HSG (+6.7%), Đạm Cà Mau-DCM (+5.9%) hay Điện Gia Lai-GEG (+6.9%). Ở chiều ngược lại, Becamex IDC-BCM (-3.5%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (-1.9%), PV Gas-GAS (-0.6%) và Vinhomes-VHM (-0.3%) chịu áp lực điều chỉnh.

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
VGC	10,000.0	202.00
HPX	6,004.2	156.11
VPB	4,900.6	107.83
TCB	4,545.3	96.67
THI	2,099.5	86.39
NVL	1,050.0	65.57
GEG	1,637.5	31.77
PC1	1,555.4	31.11
SAM	2,775.0	29.55
PNJ	444.8	27.22
HNX		
QHD	945.9	17.88
SHS	1,300.0	14.95
OCH	636.0	5.09
ACB	130.0	2.68
PVS	170.0	1.89
SJE	14.0	0.24
SD6	20.0	0.06

Khối ngoại gia tăng áp lực bán trên sàn HoSE, với giá trị bán ròng hôm nay đạt 441.4 tỷ đồng (+25.6%). Trong đó, những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Hòa Phát-HPG (-158.3 tỷ), Vinhomes-VHM (-82.2 tỷ), Thiết bị điện Việt Nam-GEX (-63.1 tỷ). Ngược lại, khối ngoại tập trung mua ròng một số cổ phiếu như Đạm Phú Mỹ-DPM (+25.8 tỷ), Vincom Retail-VRE (+25.7 tỷ), Vingroup-VIC (+18.0 tỷ).

Trên sàn Hà Nội, chỉ số HNX-Index cũng có diễn biến tăng điểm tương tự khi đóng cửa tại mức 127.43 điểm (+0.97%). KLGĐ khớp lệnh đạt 55.3 triệu cổ phiếu (+13.9%), tương đương 607.1 tỷ đồng giá trị (+21.6%).

Trong đó, Ngân hàng Á Châu-ACB (+1.9%), Idico-IDC (+5.2%), Vicostone-VCS (+1.5%) là những cổ phiếu tác động tích cực nhất. Trái lại, Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-0.7%), Bảo hiểm Bưu điện-PTI (-8.7%), Vinaconex-VCG (-0.8%) gây áp lực đối với chỉ số.

Khối ngoại đảo chiều bán ròng trên sàn HNX với giá trị 27.3 tỷ đồng. Với Dầu khí PTSC-PVS (-19.0 tỷ), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-4.2 tỷ), Idico-IDC (-1.2 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất, trong khi Chứng khoán Artex-ART (+1.0 tỷ), Nhựa Tiên Phong-NTP (+0.7 tỷ), Vinaconex-VCG (+0.4 tỷ) được khối ngoại tập trung mua ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng vượt bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền gia nhập thị trường tích cực. Không những vậy, chỉ số vượt qua MA5 và duy trì đóng cửa trên MA20, cùng với chỉ báo ADX nằm trên vùng 25 và +DI nằm trên -DI, cho thấy xu hướng phục hồi ngắn hạn đang tiếp diễn. Thêm vào đó, bộ chỉ báo MACD và RSI đang có dấu hiệu hướng lên, cho thấy chỉ số có thể sớm tiến lên thử thách lại vùng đỉnh 905 điểm và xa hơn có thể là vùng 940 điểm (Fib 127.2). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA5 và 20, cùng với khối lượng giao dịch gia tăng, cho thấy chỉ số đang trong xu hướng phục hồi. Chỉ số đang có cơ hội vượt qua vùng 127.4 điểm (Fib 127.2) và hướng lên thử thách vùng 134.4 điểm (Fib 161.8). Nhìn chung, thị trường đang có cơ hội thoát ra khỏi nhịp điều chỉnh kỹ thuật và quay lại xu hướng phục hồi chính. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để gia tăng thêm một phần nhỏ tỷ trọng vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, có câu chuyện riêng và kỳ vọng kết quả kinh doanh quý 3 khả quan.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SBV	10.7	320.3	7.0%
APC	21.4	96.4	7.0%
VSH	18.4	108.8	7.0%
HAP	6.3	1,344.5	7.0%
PXI	4.3	153.6	7.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DTL	9.2	6.0	-7.0%
TNC	23.0	0.0	-6.5%
KPF	14.0	7.6	-6.0%
VID	9.0	29.9	-5.8%
MCP	31.0	0.5	-5.5%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HSG	12.7	322.9	6.7%
HPG	24.6	313.0	0.6%
GEX	25.3	243.1	0.2%
DBC	49.7	163.7	-0.5%
VNM	124.2	148.7	0.3%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HSG	12.7	25,808.3	6.7%
HPG	24.6	12,723.3	0.6%
FLC	3.1	10,686.1	-1.3%
GEX	25.3	9,535.5	0.2%
HQC	1.7	8,436.9	-0.6%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NHP	0.7	243.4	16.7%
ACM	0.8	1,721.8	14.3%
VIG	1.0	1,077.0	11.1%
OCH	8.8	51.0	10.0%
PMP	9.9	0.2	10.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VDL	25.0	0.1	-9.8%
CLM	15.8	0.1	-9.7%
TST	8.6	0.1	-9.5%
ICG	6.7	0.1	-9.5%
CKV	11.5	0.7	-9.5%

Top 5 giá trị

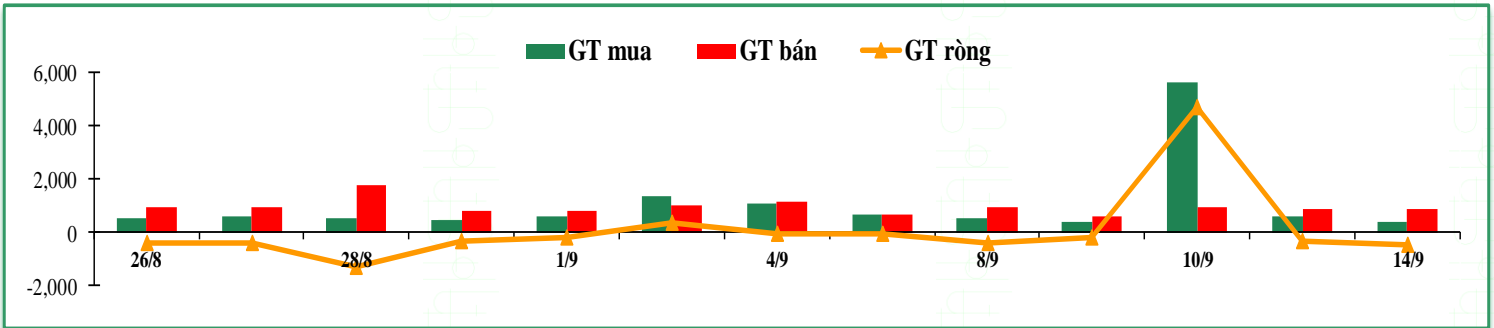
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	21.2	111.6	1.9%
PVS	12.4	59.8	0.8%
SHB	14.5	56.8	-0.7%
PLC	23.1	37.8	9.0%
SHS	11.5	30.7	-0.9%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	21.2	5,275.8	1.9%
PVS	12.4	4,810.1	0.8%
SHB	14.5	3,928.7	-0.7%
SHS	11.5	2,669.4	-0.9%
NVB	8.7	2,637.1	-1.1%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	397.8	7.6%	839.2	16.0%	-441.4
HNX	3.9	0.6%	31.1	5.1%	-27.3
Tổng số	401.7		870.3		-468.7



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	124.2	65.0	0.3%
VRE	28.6	32.9	0.7%
VIC	93.1	30.2	2.2%
PNJ	60.0	26.6	0.8%
PLX	49.8	26.5	0.2%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	24.6	170.3	0.6%
VNM	124.2	103.4	0.3%
VHM	77.5	95.7	-0.3%
GEX	25.3	70.4	0.2%
PC1	20.4	32.5	4.6%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
DPM	17.2	25.8	1.8%
VRE	28.6	25.7	0.7%
VIC	93.1	18.0	2.2%
HSG	12.7	17.3	6.7%
PLX	49.8	9.1	0.2%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ART	2.4	1.0	0.0%
NTP	32.0	0.7	0.3%
PVS	12.4	0.6	0.8%
VCG	36.0	0.4	-0.8%
PLC	23.1	0.2	9.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	12.4	19.6	0.8%
SHB	14.5	4.3	-0.7%
IDC	24.2	1.2	5.2%
SLS	78.0	1.2	8.0%
SĐT	4.7	0.8	9.3%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ART	2.4	1.0	0.0%
NTP	32.0	0.7	0.3%
VCG	36.0	0.4	-0.8%
AMV	17.8	0.1	-1.7%
SHS	11.5	0.1	-0.9%

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VRE	Nắm giữ	27/08/20	28.6	27.2	5.1%	32	17.6%	26.6	-2.2%	Xu hướng phục hồi tiếp diễn
2	IMP	Mua	15/09/20	48.15	48.15	0.0%	54.4	13.0%	47.2	-2.0%	Tín hiệu quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	HBC	Quan sát mua	15/09/20	10.2	12.5	Phiên break kênh điều chỉnh nhỏ kèm vol cao trở lại + MACD Hook -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 10-10.1
2	HVN	Quan sát mua	15/09/20	27.25	30	Phiên break nền tích lũy và MA200 kèm vol cao trở lại -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 26.9-27
3	LCG	Quan sát mua	15/09/20	8.51	9.7	Phiên break nền tích lũy kèm vol cao trở lại -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 8.3-8.4
4	FPT	Quan sát mua	15/09/20	49.3	58	Nhịp điều chỉnh tích cực với vol giảm thấp dần + có phiên tăng quay lại trên MA5 -> khả năng sớm quay lại xu hướng tăng
5	STB	Quan sát mua	15/09/20	11.3	12.6-13	Nhịp tích lũy tích cực với vol giảm dần + phiên tăng kéo MACD Histogram tăng trở lại -> khả năng sớm có phiên breakout

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DGC	Nắm giữ	20/08/20	41.25	33.45	23.3%	43.5	30.0%	31.8	-5%	
2	VRE	Nắm giữ	27/08/20	28.6	27.2	5.1%	32	17.6%	26.6	-2%	Nâng giá mục tiêu lên 32 ngàn

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

3	DBC	Mua	10/09/20	49.65	48	3.4%	57	19%	45	-6%
4	PPC	Mua	14/09/20	24.4	24.3	0.4%	26	7%	23.5	-3%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền (*)	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 14/09/2020									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (**) (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,250	6.8 %	-19%	887	93	72,700	106	(1,144)	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	10,410	2.7 %	43%	7,141	56	49,300	663	(9,747)	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,700	3.7 %	13%	6,054	45	49,300	1,190	(510)	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,540	2.7 %	-9%	8,461	39	49,300	1,188	(352)	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,390	3.0 %	-7%	383	122	49,300	580		HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CHDB2005	1,080	800	-8.1 %	-26%	6,009	21	30,250	743	(57)	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	2,800	-6.7 %	28%	7,758	24	30,250	2,800	(0)	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2005	2,100	-	0 %	-100%	-	17	24,600	5,627	5,627	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020
CHPG2006	1,500	3,960	-0.8 %	164%	17,909	2	24,600	1,292	(2,668)	KIS	HPG	22,020	2	16/09/2020
CHPG2008	4,100	3,670	0.3 %	-10%	1,976	77	24,600	35	(3,635)	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	3,870	0.8 %	142%	5,845	45	24,600	1,094	(2,776)	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	5,480	-0.7 %	-10%	3,000	126	24,600	565	(4,915)	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	6,840	1.3 %	-1%	12,900	78	24,600	1,152	(5,688)	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	6,790	2.9 %	-6%	315	217	24,600	1,442	(5,348)	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	5,960	0.2 %	-11%	7,510	168	24,600	958	(5,002)	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CMSN2008	1,530	1,480	4.2 %	-3%	11,384	84	55,600	691	(789)	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CHPG2016	2,200	2,490	0.4 %	13%	1,460	122	24,600	156	(2,334)	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,040	1.0 %	22%	10,156	67	60,000	1,463	(577)	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CSTB2008	1,500	1,800	2.9 %	20%	26,711	67	11,300	1,171	(629)	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CVNM2009	1,810	2,280	1.3 %	26%	9,835	84	124,200	1,797	(483)	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVPB2009	1,630	2,090	3.0 %	28%	8,729	67	23,200	1,561	(529)	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CMBB2003	2,000	1,330	5.6 %	-34%	5,043	56	18,150	467	(863)	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	900	200.0 %	-55%	1	42	18,150	1	(899)	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,120	10.9 %	2%	18,752	45	18,150	856	(264)	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,350	7.1 %	-4%	400	122	18,150	781		HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	590	7.3 %	-74%	21,372	93	55,600	7	(583)	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2002	2,000	20	-33.3 %	-99%	9,579	2	55,600	-	(20)	KIS	MSN	62,999	4	16/09/2020
CMSN2005	2,100	500	4.2 %	-76%	38,898	45	55,600	5	(495)	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,370	6.2 %	-28%	3,419	122	55,600	474		HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMWG2005	2,500	-	0 %	-100%	-	17	93,000	665	665	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	340	36.0 %	-83%	2	42	93,000	0	(340)	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	11,200	-1.1 %	-13%	361	77	93,000	7,131	(4,069)	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	1,160	-3.3 %	-11%	22,117	43	93,000	832	(328)	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	1,650	-1.2 %	3%	15,303	39	93,000	1,408	(242)	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	1,680	-5.6 %	20%	2,031	122	93,000	1,247		HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CNVL2001	2,300	1,990	10.6 %	-13%	1	93	63,700	132	(1,858)	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,570	1.2 %	29%	658	177	63,700	1,051	(1,519)	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2002	2,400	290	-14.7 %	-88%	11,849	17	60,000	(0)	(290)	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	130	0 %	-94%	80	42	60,000	0	(130)	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	460	0 %	-54%	24,652	45	60,000	108	(352)	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	820	0 %	-18%	652	122	60,000	348		HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CREE2003	1,000	1,940	4.9 %	94%	521	45	39,300	1,882	(58)	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	3,350	3.1 %	113%	1,032	39	39,300	3,298	(52)	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,180	5.8 %	68%	521	122	39,300	1,786		HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	150	-6.3 %	-85%	5,787	93	2,190	(0)	(150)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	140	-6.7 %	-95%	4,552	93	14,050	0	(140)	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	1,200	26.3 %	-29%	13,333	93	11,300	214	(986)	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2003	1,360	130	-18.8 %	-90%	37,624	2	11,300	191	61	KIS	STB	11,111	1	16/09/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSTB2004	1,400	1,120	1.8 %	-20%	12,318	77	11,300	549	(571)	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	370	-9.8 %	-66%	7,046	50	11,300	32	(338)	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	730	-7.6 %	-51%	1,591	203	11,300	208	(522)	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CTCB2003	2,000	280	-9.7 %	-86%	4,411	42	21,500	0	(280)	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,630	0.6 %	-46%	2,270	77	21,500	435	(1,195)	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	1,920	4.4 %	60%	20,108	45	21,500	1,784	(136)	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,670	4.4 %	-2%	250	122	21,500	999		HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CVHM2001	3,100	1,000	1.0 %	-68%	638	93	77,500	6	(994)	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	6,570	-3.5 %	-43%	5,901	77	77,500	2,701	(3,869)	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	1,070	-7.8 %	7%	11,371	45	77,500	777	(293)	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	170	-15.0 %	-89%	3,291	21	77,500	0	(170)	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	960	-1.0 %	-31%	7,825	122	77,500	314		HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVJC2001	2,400	200	0 %	-92%	89	93	107,400	0	(200)	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	560	3.7 %	-71%	861	45	107,400	1	(559)	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	100	0 %	-94%	953	21	107,400	(0)	(100)	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVNM2004	17,500	14,600	-1.0 %	-17%	2,581	77	124,200	7,610	(6,990)	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,460	0.4 %	64%	3,391	45	124,200	2,158	(302)	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	380	5.6 %	-75%	6,205	21	124,200	0	(380)	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	-	0 %	-100%	-	177	124,200	259	259	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,050	3.5 %	14%	490	122	124,200	1,229		HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVPB2006	3,400	1,560	4.7 %	-54%	20,388	77	23,200	473	(1,087)	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	1,000	5.3 %	-41%	27,656	45	23,200	464	(536)	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,710	6.2 %	-5%	5,450	122	23,200	996		HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVRE2003	3,000	370	5.7 %	-88%	25,612	93	28,600	1	(369)	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	2,690	2.7 %	-33%	298	77	28,600	1,332	(1,358)	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,490	2.1 %	35%	3,040	45	28,600	1,421	(69)	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	650	-1.5 %	-57%	15,226	203	28,600	199	(451)	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,270	1.6 %	6%	13,101	122	28,600	811		HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
DBD (New)	HOSE	45,100	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
VCB (New)	HOSE	83,000	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
AST (New)	HOSE	49,500	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
PHR (New)	HOSE	59,400	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
VRE	HOSE	28,600	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
POW	HOSE	10,000	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
MWG	HOSE	93,000	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
NVL	HOSE	63,700	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
NT2	HOSE	24,200	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
SCS	HOSE	123,600	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
MSN	HOSE	55,600	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
HPG	HOSE	24,600	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
DHG	HOSE	102,100	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
VTP	UPCOM	104,000	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%
VPB	HOSE	23,200	22,088	12/08/2020	8,558	3,511	20,826	18%	2%	6.3	1.1	0%
BMP	HOSE	57,500	55,800	07/08/2020	491	6,001	30,994	19%	17%	9.2	1.8	40%
MSH	HOSE	31,750	36,500	04/08/2020	21	428	20,629	2%	1%	85.2	1.8	25%
PNJ	HOSE	60,000	66,500	04/08/2020	836	3,713	21,769	17%	10%	17.9	3.1	8%
CTR	UPCOM	42,600	42,400	03/08/2020	191	3,152	13,146	20%	8%	16.2	3.4	10%
STK	HOSE	15,100	17,500	03/08/2020	102	1,448	15,252	10%	5%	12.1	1.2	15%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.